

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHAN THANH SƠN

**HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM
ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM,
QUA THỰC TIỄN TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRẦN CÔNG DŨNG**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Đóng góp của luận văn.....	5
7. Kết cấu của luận văn	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN.....	6
1.1. Khái quát về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.....	6
1.1.1. Khái niệm và phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu.....	6
1.1.1.1. Khái niệm về hợp đồng thương mại vô hiệu.....	6
1.1.1.2. Phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu	6
1.1.2. Khái niệm và phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	7
1.1.2.1. Khái niệm về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	7
1.1.2.2. Phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện ..	7
1.2. Khái quát pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	7
1.2.2. Nội dung pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	7
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	7
1.3.1. Yếu tố pháp luật	7

1.3.2. Yếu tố kinh tế, xã hội	7
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	8
2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	8
2.1.1. Quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	8
2.1.1.1. Điều kiện của hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	8
2.1.1.2. Hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	8
2.1.1.3. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	9
2.1.1.4. Bảo vệ quyền và lợi ích của người thứ ba ngay tình khi hợp đồng thương mại bị tuyên bố vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	9
2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	10
2.1.2.1. Thẩm quyền tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu	11
2.1.2.2. Thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu	11
2.1.2.3. Giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	11
2.1.2.4. Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi hợp đồng thương mại bị tuyên bố vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	11
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	11
2.2.1. Kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	11
2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện	12

2.2.3. Nguyên nhân của vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện..... 12

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN..... 13

3.1. Định hướng đối với việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện 13

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước và chiến lược cải cách tư pháp trong công tác xét xử tại Tòa án 13

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trong hệ thống pháp luật..... 15

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phải hướng đến khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn..... 15

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện 16

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện 16

3.3.1. Đối với Tòa án..... 17

3.3.2. Đối với các chủ thể trong quan hệ hợp đồng 17

PHẦN KẾT LUẬN..... 18

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 20

DANH MỤC VIẾT TẮT

BỘ LUẬT DÂN SỰ

BLDS

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TAND

BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

BLTTDS

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hợp đồng và pháp luật về hợp đồng là một chế định cốt lõi trong hệ thống pháp luật nói chung, là một phần không thể thiếu của ngành luật dân sự, ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực luật tư khác và có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội theo trật tự mà Nhà nước mong muốn. Bởi quy định về hợp đồng tạo ra những tiền đề pháp lý cho sự vận động linh hoạt và an toàn của các giá trị vật chất trong xã hội. Đã từ lâu pháp luật về hợp đồng chiếm một vị trí rất quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bởi vì, hầu hết các giao dịch trong xã hội, dù có mục đích kinh doanh hay nhằm đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt thông thường, đều liên quan đến hợp đồng. Pháp luật về hợp đồng đã quy định khuôn mẫu, điều kiện cần thiết để các bên giao kết, xác lập hợp đồng phù hợp với lợi ích của các bên cũng như phù hợp với lợi ích chung của Nhà nước và xã hội. Mặc dù về bản chất, hợp đồng là sự thỏa thuận của các bên trong giao dịch, tuy nhiên những thỏa thuận đó phải phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Pháp luật của các quốc gia cũng dự phòng những quy định về các trường hợp hợp đồng vô hiệu do không đáp ứng điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Những quy định này góp phần tạo nên khung pháp lý vững chắc giúp Nhà nước quản lý tốt hơn, hiệu quả hơn các vi phạm có thể phát sinh trong quá trình giao kết, thực hiện hay chấm dứt hợp đồng.

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng phát sinh hiệu lực khi đáp ứng các điều kiện về chủ thể, sự tự nguyện, nội dung

hợp đồng và hình thức hợp đồng. Như vậy, khi vi phạm sự tự nguyện thì hợp đồng sẽ bị vô hiệu. Vấn đề hợp đồng vô hiệu nói chung và hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện nói riêng là một trong những vấn đề nổi cộm hiện nay của chế định hợp đồng. Đây là một vấn đề phức tạp, còn nhiều vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp cũng như trong quá trình Tòa án áp dụng pháp luật để tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Hiện nay các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện vẫn còn nhiều hạn chế. Các quy định có phần còn cứng nhắc, chưa đầy đủ, có quy định còn chông chéo, gây nên cách hiểu không thống nhất.

Thực tiễn giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy vấn đề giải quyết các hậu quả khi hợp đồng thương mại vô hiệu không thuần túy chỉ căn cứ vào các quy định của BLDS mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Việc tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý khi hợp đồng thương mại vô hiệu vẫn là vấn đề phức tạp mà ngành Tòa án đang gặp phải. Đây là thực trạng chung của Việt Nam trong quá trình thực hiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện, đồng thời là thực trạng tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Có không ít vụ án đã được xét xử nhiều lần, với nhiều cấp xét xử khác nhau nhưng vẫn còn những vướng mắc, nhiều quan điểm khác nhau, gây ra nhiều tranh luận phức tạp.

Để đảm bảo thực hiện nghiêm minh pháp luật, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quá trình quản lý xã hội, đáp ứng điều kiện của thực tiễn và hướng đến đảm bảo an toàn cho các chủ thể trong hoạt động kinh doanh, thương mại, việc nghiên cứu đề tài “*Hợp đồng thương mại vô*

hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế” mang tính cấp thiết. Trên cơ sở nhận diện những hạn chế của quy định pháp luật và những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, luận văn đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện. Việc hoàn thiện pháp luật nhằm hướng tới sự bảo đảm an toàn và góp phần làm lành mạnh hóa môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Một cơ sở pháp lý đầy đủ, hoàn chỉnh, một hành lang pháp lý thông thoáng không những là yêu cầu chính đáng của người dân, của các doanh nghiệp để họ thực hiện hoạt động kinh doanh và bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình mà còn là điều kiện để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện, việc giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là vấn đề luôn được nhiều nhà làm luật, nhà nghiên cứu quan tâm.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nói chung và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện tại địa phương Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xử lý hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật hiện nay về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

- Đánh giá tình hình thực hiện, áp dụng pháp luật của các chủ thể tham gia kí kết hợp đồng và của Tòa án nhân dân.

- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

- Thực tiễn áp dụng các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện; nghiên cứu quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

- Về thời gian: Từ năm 2017 - 2022.

- Về không gian: tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, quan điểm đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp về công tác xét xử tại Tòa án nhân dân.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống

bao gồm: phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh, thống kê.

6. Đóng góp của luận văn

6.1. Về lý luận

Các kết quả nghiên cứu của luận văn đã góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

6.2. Về thực tiễn

Thứ nhất, luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện tại các Tòa án.

Thứ hai, luận văn là nguồn tham khảo cho sinh viên, học viên trong quá trình học tập.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được kết cấu gồm 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện và thực tiễn áp dụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương 3: Định hướng hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN

1.1. Khái quát về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.1.1. Khái niệm và phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu

1.1.1.1. Khái niệm về hợp đồng thương mại vô hiệu

“Hợp đồng thương mại vô hiệu là hợp đồng mà khi xác lập các bên trong quan hệ hợp đồng đã có vi phạm ít nhất một trong các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật dẫn tới hậu quả pháp lý là không làm phát sinh bất kỳ một quyền hay nghĩa vụ theo hợp đồng thương mại đã ký kết”.

1.1.1.2. Phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu

Thứ nhất, phân loại dựa trên tiêu chí vi phạm điều kiện có hiệu lực của hợp đồng: hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện về chủ thể; hợp đồng vô hiệu do vi phạm sự tự nguyện của chủ thể khi tham gia quan hệ hợp đồng; hợp đồng vô hiệu do vi phạm nội dung vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội.

Thứ hai, phân loại dựa trên tiêu chí về chủ thể xác lập giao dịch: hợp đồng vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện; hợp đồng vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; hợp đồng vô hiệu do người xác lập không có thẩm quyền hoặc vượt quá

phạm vi thẩm quyền đại diện.

Thứ ba, phân loại dựa trên tiêu chí về ý chí của người xác lập giao dịch hợp đồng: hợp đồng vô hiệu do bị nhầm lẫn; hợp đồng vô hiệu do giả tạo; hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

1.1.2. Khái niệm và phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.1.2.1. Khái niệm về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.1.2.2. Phân loại hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.2. Khái quát pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.2.2. Nội dung pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

1.3.1. Yếu tố pháp luật

1.3.2. Yếu tố kinh tế, xã hội

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

2.1.1. Quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

2.1.1.1. Điều kiện của hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Thứ nhất, hợp đồng được xác lập do có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập hợp đồng

Thứ hai, hợp đồng được xác lập do một bên bị lừa dối

Thứ ba, hợp đồng được xác lập do bị đe dọa, cưỡng ép

2.1.1.2. Hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Thứ nhất, về giá trị pháp lý của hợp đồng

Một hợp đồng thương mại vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ các bên kể từ thời điểm giao kết. Đồng thời hợp đồng không có giá trị pháp lý kể từ thời điểm giao kết, cho dù hợp đồng đã được thực hiện trên thực tế hay chưa.

Thứ hai, xem xét về mặt lợi ích vật chất

Khi hợp đồng thương mại bị vô hiệu thì các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp các

bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Thứ ba, bồi thường thiệt hại do hợp đồng bị vô hiệu

Theo quy định tại khoản 4, Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015, bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại khi hợp đồng vô hiệu theo mức độ lỗi của mình gây ra.

Thứ tư, việc xử lý các khoản lợi thu được từ hợp đồng vô hiệu

Theo quy định tại khoản 3, Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó.

2.1.1.3. Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Tùy từng nguyên nhân dẫn đến tình trạng vô hiệu của hợp đồng, thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu sẽ khác nhau và thời điểm bị vô hiệu của hợp đồng cũng khác nhau trong từng trường hợp.

2.1.1.4. Bảo vệ quyền và lợi ích của người thứ ba ngay tình khi hợp đồng thương mại bị tuyên bố vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Các chủ thể khi tham gia các quan hệ hợp đồng thương mại đều hướng đến tìm kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, thực tế không phải chủ thể nào cũng đạt được các lợi ích như mong muốn dù đã xác lập hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, trung thực, thiện chí và tuân thủ quy định của pháp luật. Họ được xác định là bên ngay tình khi tham gia quan hệ hợp đồng. Từ điển giải thích thuật ngữ luật học giải nghĩa: “*Người thứ ba ngay tình khi tham gia giao dịch dân sự vô hiệu là người được chuyển giao tài sản thông qua giao dịch dân sự mà họ không biết, không buộc phải biết*”

là tài sản đó do người chuyển giao cho họ thu được từ một giao dịch vô hiệu”. Những người thứ ba ngay tình khi tham gia vào hợp đồng thương mại được bảo vệ thông qua các quy định tại Điều 133, Điều 167, Điều 168 BLDS năm 2015.

Khi một hợp đồng thương mại bị Tòa án tuyên bố vô hiệu, về nguyên tắc không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên chủ thể. Nếu các bên chưa thực hiện hợp đồng thì không thực hiện hợp đồng nữa, trường hợp các bên đã thực hiện hợp đồng thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu như khi chưa thực hiện hợp đồng. Nghĩa vụ hoàn trả tài sản được đặt ra đối với cả hợp đồng có đối tượng là tài sản và hợp đồng có đối tượng là công việc. Đối với các hợp đồng có đối tượng là tài sản, nhiều trường hợp các bên đã thực hiện hành vi chuyển giao tài sản cho nhau, sau đó hợp đồng bị Tòa án tuyên vô hiệu, trong khoảng thời gian bên nhận chuyển giao nắm giữ tài sản đến khi hợp đồng được xác định là vô hiệu, tài sản có thể phát sinh ra hoa lợi, lợi tức. Để đảm bảo quyền lợi cho bên ngay tình khi hợp đồng thương mại vô hiệu, BLDS năm 2015 cho phép bên ngay tình khi tham gia hợp đồng có quyền sở hữu hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản là đối tượng của hợp đồng vô hiệu.

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Hợp đồng thương mại là một trong những giao dịch diễn ra khá phổ biến trong sự phát triển của nền kinh tế, xã hội ngày nay. Các quy định về hợp đồng nói chung, hợp đồng thương mại nói riêng và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng trong Bộ luật dân sự 2015 (sau đây gọi là BLDS 2015) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tương đối đầy đủ, rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các chủ thể khi tham gia các hợp

đồng thương mại cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết các tranh chấp về hợp đồng.

2.1.2.1. Thẩm quyền tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu

Bộ Luật dân sự 2015 quy định cụ thể Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu.

2.1.2.2. Thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu

Quy định về thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu tại Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015.

2.1.2.3. Giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Thứ nhất, xem xét lợi ích vật chất do hợp đồng thương mại vô hiệu

Thứ hai, quy định về “bên có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại” trong hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm sự tự nguyện (khoản 4 Điều 131 BLDS năm 2015).

2.1.2.4. Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi hợp đồng thương mại bị tuyên bố vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Hiện nay, BLDS năm 2015 vẫn chưa có cách định nghĩa chính thức và đưa ra các dấu hiệu để nhận diện người thứ ba ngay tình.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.1. Kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Trên thực tế, các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm sự tự nguyện vẫn có thể xảy ra do các bên tin tưởng lẫn nhau, chủ yếu là vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối hoặc giả tạo. Hợp đồng thương mại

vô hiệu do xác lập trong trường hợp bị đe dọa cưỡng ép rất hiếm khi xảy ra.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Thứ nhất, việc xác định hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về tự nguyện

Thứ hai, xác định thẩm quyền giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu trong trường hợp các bên yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu nhưng không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý

Thứ ba, việc bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi hợp đồng thương mại bị tuyên bố vô hiệu

Thứ tư, Tòa án không thể tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm sự tự nguyện nếu như các bên chủ thể không có yêu cầu.

2.2.3. Nguyên nhân của vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Thứ nhất, chủ thể tham gia vào hợp đồng thương mại chưa thực sự có kiến thức chuyên sâu, cũng như nhận thức đúng sự tự nguyện trong giao kết hợp đồng và hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện về tự nguyện.

Thứ hai, pháp luật chưa có quy định cụ thể và hướng dẫn để đưa ra các dấu hiệu trong việc xác định một số vấn đề quan trọng trong quá trình giải quyết hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm sự tự nguyện.

Thứ ba, quy định của pháp luật về về trình tự, thủ tục tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu chưa thực sự đầy đủ và cụ thể.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO VI PHẠM ĐIỀU KIỆN TỰ NGUYỆN

3.1. Định hướng đối với việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước và chiến lược cải cách tư pháp trong công tác xét xử tại Tòa án

Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng nói chung và hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phải phù hợp và nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp trong công tác xét xử tại Tòa án.

Để nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật tại Tòa án về hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra định hướng về cải cách tư pháp ở nước ta đó là: “Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN), bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Nghiên cứu ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đến năm 2030, định hướng đến năm 2045,

trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp”. Cụ thể “Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật¹.

Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”². Nhà nước pháp quyền chính là một Nhà nước được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, mọi công dân trong nhà nước đó đều phải tuân thủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Cơ sở để xây dựng nên một nhà nước pháp quyền chính là một hệ thống pháp luật mang tính đồng bộ, thống nhất, dân chủ, phản ánh được công lý và bảo vệ được quyền và lợi ích của công dân. Hiến pháp 2013 hiện nay khẳng định: “Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế... các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân...”. Theo quy định tại Điều 102 Hiến pháp năm 2013 thì Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án là một nhân tố góp phần đảm bảo cho việc thực thi công lý và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Đồng thời, theo quy định của BLDS 2015, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, t.1, tr.177, 178.

² Điều 2, Hiến pháp năm 2013.

tuyên bố giao dịch vô hiệu. Do đó, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện bên cạnh phải hoàn thiện nội dung pháp luật về hợp đồng thì còn phải hoàn thiện các quy định về nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến tuyên bố hợp đồng nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng vô hiệu. Công tác hoàn thiện pháp luật phải dựa trên cơ sở chủ trương, định hướng của Đảng, cụ thể hóa những quy định của Hiến pháp về nền kinh tế và vai trò của Tòa án, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trong hệ thống pháp luật

Hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện không chỉ được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự mà còn được điều chỉnh bởi các ngành luật khác như Luật thương mại,... và các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Do đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong các văn bản pháp luật từ Hiến pháp đến luật đến các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan đến vấn đề hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phải hướng đến khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn

Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện phải nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và bảo vệ quyền và lợi

ích của các chủ thể khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Thứ nhất, pháp luật cần bổ sung quy định nhằm định nghĩa và đưa ra các dấu hiệu để xác định người thứ ba ngay tình khi hợp đồng thương mại vô hiệu.

Thứ hai, về quy định hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu.

Thứ ba, về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo, để tránh những mâu thuẫn trong quá trình áp dụng, cần xác định thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo bằng một thời hạn cụ thể.

Thứ tư, trong một số trường hợp, đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng thương mại vô hiệu hoặc cho rằng sẽ đưa ra yêu cầu sau bằng vụ án khác.

Thứ năm, Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn cho phép các Tòa án áp dụng linh hoạt quy định “các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu”.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện

Bên cạnh các giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật thì cũng cần phải thực hiện đồng bộ những giải pháp để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tế. Luận văn cũng đưa ra một số giải pháp mang tính cấp thiết nhằm hướng tới nâng cao hiệu quả áp dụng, thực hiện pháp luật về hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện tại Tòa án và bảo vệ quyền và lợi ích cho các bên khi hợp đồng vô hiệu.

3.3.1. Đối với Tòa án

Theo quy định tại Điều 102 Hiến pháp năm 2013 thì Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án là một nhân tố góp phần đảm bảo cho việc thực thi công lý và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Theo quy định của BLDS 2015 và BLTTDS 2015, các giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện do Tòa án tuyên bố vô hiệu.

3.3.2. Đối với các chủ thể trong quan hệ hợp đồng

Các cơ sở đào tạo luật có thể mở những lớp bồi dưỡng kiến thức về pháp luật hợp đồng và hợp đồng thương mại cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu. Thông qua đó, nâng cao kỹ năng tìm hiểu đối tác, soạn thảo, ký kết hợp đồng cho nhân viên, nhất là nhân viên phòng tổ chức kinh doanh.

Đồng thời, để nâng cao hiệu quả của hoạt động giao kết hợp đồng thương mại, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả thì các thương nhân nên chú trọng về tăng cường đội ngũ luật sư, đội ngũ tư vấn pháp lý trong các doanh nghiệp để hỗ trợ thương nhân trong các vấn đề liên quan đến giao kết hợp đồng thương mại và xử lý trong các trường hợp hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

PHẦN KẾT LUẬN

Chế định về hợp đồng là chế định cốt lõi trong hệ thống pháp luật nói chung, là một phần không thể thiếu của ngành luật dân sự. Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta, các hợp đồng thương mại được giao kết rất nhiều và là một phần không thể thiếu trong các quan hệ kinh doanh, thương mại. Vì vậy, các quy định pháp luật về hợp đồng có ý nghĩa rất lớn trong việc góp phần ổn định và phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ này.

Tuy nhiên, không phải tất cả các hợp đồng thương mại được giao kết đều phát sinh hiệu lực. Cũng giống như các giao dịch dân sự nói chung, các hợp đồng thương mại muốn phát sinh hiệu lực thì phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 117 BLDS 2015. Theo đó, hợp đồng phải đáp ứng các điều kiện về chủ thể, sự tự nguyện, nội dung và hình thức thì mới phát sinh hiệu lực. Trong quan hệ kinh doanh thương mại, nhiều trường hợp hợp đồng được giao kết là do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, bị nhầm lẫn. Các trường hợp này được xem như không có sự tự nguyện của chủ thể khi tham gia ký kết hợp đồng, điều này làm cho các chủ thể không đạt được mong muốn khi tham gia hợp đồng. Tuy nhiên, với những trường hợp này, Tòa án chỉ có quyền tuyên vô hiệu nếu các hành vi đó xảy ra trong việc xác lập hợp đồng và có yêu cầu của đương sự.

Trong luận văn này, tác giả đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về hợp đồng vô hiệu do vi phạm sự tự nguyện. Trong đó, luận văn đã phân tích những vấn đề về sự tự nguyện của chủ thể khi tham gia quan hệ hợp đồng thương mại, các trường hợp được xem là vi phạm điều kiện sự tự nguyện, qua đó xác định bản chất của các yếu tố làm mất đi sự tự

nguyện của chủ thể khi tham gia quan hệ hợp đồng. Đồng thời luận văn cũng phân tích các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện và đánh giá thực trạng pháp luật; phân tích thực tiễn, khó khăn và những nguyên nhân khiến cho các vụ việc về tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện tại Tòa án tỉnh Thừa Thiên Huế không nhiều. Qua đó, tác giả đã đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm điều kiện tự nguyện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các văn bản pháp luật

1. Quốc hội, (2013), ngày 28 tháng 11 năm 2013, *Hiến pháp*.
2. Quốc hội, (2005), Luật số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005, *Bộ luật dân sự*.
3. Quốc hội, (2015), Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015, *Bộ luật dân sự*.
4. Quốc hội, (2015), Luật số 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, *Bộ luật Tố tụng dân sự*.
5. Quốc hội, (2005), Luật số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005, *Luật Thương mại*.
6. Quốc hội, (2020), Luật số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, *Luật Doanh nghiệp*.
7. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, (2003), Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 4 năm 2003, *Nghị quyết hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình*.

II. Các tài liệu tham khảo

8. Hồ Thị Vân Anh, (2021), *Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 05 (429) - T3/2021, tr.25.
9. Tô Thị Vân Anh, 2021, *Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo pháp luật Việt nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 05, tháng 03/2021.
10. Bộ Tư Pháp, Viện Khoa học Pháp lý (1999), *Từ điển giải thích*

Luật học, Nxb. Công An Nhân dân, tr50.

11. Ngô Huy Cương, (2008), *Tự do ý chí và tiếp nhận ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện hành* – Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 115.

12. Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thành Đạt, “*Một số vướng mắc về thẩm quyền giải quyết, xét xử vụ án yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu*”, Tạp chí Tòa án nhân dân.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, t.1, tr.177, 178.

14. Đỗ Văn Đại, (2016), Sách “*Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*”, Nxb. Hồng Đức.

15. Đỗ Văn Đại, (2020), Sách “*Luật hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án tập 1, 2*”, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.

16. Đỗ Văn Đại, *Nhầm lẫn trong chế định hợp đồng: Những bất cập và hướng sửa đổi Bộ luật dân sự*, VIB ONLINE - Website xây dựng pháp luật của VCCI, 12/7/2010.

17. Nguyễn Hồng Hải, (2018), *Một số vấn đề về hợp đồng vô hiệu trong pháp luật tư hiện hành của Việt Nam*, Hội thảo Hợp đồng vô hiệu trong pháp luật một số nước, Viện Luật so sánh, Đại học Luật Hà Nội, tr.118.

18. Nguyễn Văn Hối, (2022), *Bảo vệ quyền lợi của người thứ 3 ngay tình khi hợp đồng vô hiệu*, Kỷ yếu hội thảo “Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu”, Trường Đại học Luật Hà Nội.

19. Bùi Thị Như Quỳnh, (2020), *Pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu ở Việt Nam*, thực trạng và giải pháp hoàn thiện, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

20. Phùng Trung Tập, *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb. Công an nhân dân năm 2017. Tr. 251.

21. Lê Minh Tuấn, (2018), *Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu từ thực tiễn xét xử của Tòa án cấp huyện thuộc tỉnh Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

22. Phạm Văn Tuyết, (2022), *Hợp đồng vô hiệu do không có sự tự nguyện của chủ thể tham gia*, Kỷ yếu hội thảo “Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.104.

23. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2022), *Giáo trình Luật dân sự Tập 2*, Nxb. Tư pháp, tr.159.